

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP – IN – BAO BÌ**  
**LIK SIN – TNHH MTV**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024**



---

*Tháng 03 năm 2025*

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11 - 40

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV (sau đây được gọi là “Tổng Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng thành viên

Ông Trần Ngọc Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Minh Thy	Thành viên
Ông Trịnh Xuân Quang	Thành viên
Ông Lê Quang Bình	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Minh Thy	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/03/2024)
Ông Hoàng Thọ Vượng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/08/2024)

#### Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Hương Giang	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Ngọc Hoàn	Thành viên

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Ngọc Minh Thy**  
**Tổng Giám đốc**

TP Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Số: 386/2025/UHY-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 27 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 40 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC theo Báo cáo kiểm toán số 270324.058/BCTC.KT7 ngày 27/03/2024 với ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính tổng hợp này.



**Bùi Minh Đức**  
Giám đốc kiểm toán  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5586-2021-112-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

**Trần Thanh Tùng**  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4051-2022-112-1

Mẫu số B01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>762.852.777.931</b>	<b>872.116.065.402</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	95.718.135.178	88.922.417.086
Tiền	111		95.718.135.178	58.922.417.086
Các khoản tương đương tiền	112		-	30.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>184.000.000.000</b>	<b>260.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.1	184.000.000.000	260.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>271.107.918.227</b>	<b>247.712.228.592</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	273.343.450.072	249.884.055.363
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	6.105.163.150	6.565.666.720
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.837.611.365	6.576.785.851
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(14.206.744.179)	(15.325.934.196)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		28.437.819	11.654.854
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>182.833.321.034</b>	<b>247.707.794.536</b>
Hàng tồn kho	141		201.533.280.058	256.582.657.809
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18.699.959.024)	(8.874.863.273)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>29.193.403.492</b>	<b>27.773.625.188</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	479.087.569	1.049.535.876
Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.521.912.306	21.044.212.181
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	4.192.403.617	5.679.877.131
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>640.861.408.081</b>	<b>705.754.304.335</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>98.850.000</b>	<b>88.850.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	8	98.850.000	88.850.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>389.138.180.364</b>	<b>451.697.061.150</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	389.138.180.364	451.697.061.150
- Nguyên giá	222		1.226.210.066.177	1.222.325.140.338
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(837.071.885.813)	(770.628.079.188)
Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		747.974.227	747.974.227
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(747.974.227)	(747.974.227)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>90.435.455</b>	<b>150.000</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	90.435.455	150.000
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>227.238.577.189</b>	<b>227.868.747.668</b>
Đầu tư vào công ty con	251	5.2	21.555.000.000	21.555.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5.2	188.505.124.799	188.505.124.799
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5.2	65.447.060.000	65.447.060.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(48.268.607.610)	(47.638.437.131)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>24.295.365.073</b>	<b>26.099.495.517</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	24.295.365.073	26.099.495.517
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.403.714.186.012</b>	<b>1.577.870.369.737</b>

Các Thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp

Mẫu số B01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>487.059.798.840</b>	<b>379.050.560.462</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>436.997.597.810</b>	<b>304.434.968.032</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	85.135.054.617	88.239.530.683
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	2.315.617.463	1.479.339.533
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	40.690.112.939	12.475.703.405
Phải trả người lao động	314		49.564.389.196	60.874.860.291
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	18.300.278.405	10.335.813.420
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	3.040.779.208	3.973.026.343
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	150.142.411.969	36.098.219.529
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		87.808.954.013	90.958.474.828
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>50.062.201.030</b>	<b>74.615.592.430</b>
Phải trả dài hạn khác	337	20	1.103.093.000	1.720.600.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	13.930.650.079	40.086.741.176
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		35.028.457.951	32.808.251.254
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>21</b>	<b>916.654.387.172</b>	<b>1.198.819.809.275</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>916.654.387.172</b>	<b>1.198.819.809.275</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		845.250.000.000	845.250.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		71.404.387.172	353.569.809.275
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.403.714.186.012</b>	<b>1.577.870.369.737</b>

TP Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám Đốc

Phạm Thị Thùy Duyên

Nguyễn Lê Quốc Dzĩnh



Nguyễn Ngọc Minh Thy



Mẫu số B02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.490.107.331.834	1.352.669.021.835
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	2.695.655.439	4.236.891.459
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.487.411.676.395	1.348.432.130.376
Giá vốn hàng bán	11	24	1.213.811.243.307	1.101.269.614.616
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		273.600.433.088	247.162.515.760
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	43.887.060.954	42.722.111.507
Chi phí tài chính	22	26	5.784.382.998	9.129.144.813
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.518.561.130	7.788.397.802
Chi phí bán hàng	25	27	68.361.032.848	59.449.121.253
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	103.963.105.845	101.511.969.080
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		139.378.972.351	119.794.392.121
Thu nhập khác	31	28	19.095.219.199	17.758.311.798
Chi phí khác	32	29	11.161.979.297	569.248.864
Lợi nhuận khác	40		7.933.239.902	17.189.062.934
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		147.312.212.253	136.983.455.055
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	23.922.808.856	22.348.590.102
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		123.389.403.397	114.634.864.953

TP Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Phạm Thị Thùy Duyên

Phụ trách kế toán

Nguyễn Lê Quốc Dzĩnh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Minh Thy

Mẫu số B03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>147.312.212.253</b>	<b>136.983.455.055</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	66.443.806.625	64.405.832.053
Các khoản dự phòng	03	9.336.076.213	6.514.963.831
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(129.748.798)	225.315.739
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(43.358.271.010)	(42.476.606.288)
Chi phí lãi vay	06	4.518.561.130	7.788.397.802
Các điều chỉnh khác	07	(36.340.030.681)	3.353.081.693
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>147.782.605.732</b>	<b>176.794.439.885</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(24.710.038.558)	(9.792.150.059)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	55.049.377.751	21.807.956.887
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(264.317.067.895)	28.176.216.204
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.374.578.751	1.291.033.111
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.688.058.318)	(7.840.165.981)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.917.827.221)	(20.050.257.860)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.757.309.556
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(50.961.865.815)	(55.870.363.884)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(162.388.295.573)</b>	<b>136.274.017.859</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.975.211.294)	(19.886.781.809)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(191.000.000.000)	(211.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	267.000.000.000	148.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	43.791.583.339	43.586.904.658
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>115.816.372.045</b>	<b>(39.299.877.151)</b>

Mẫu số B03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	286.030.038.531	58.317.551.137
Tiền trả nợ gốc vay	34	(198.141.937.188)	(120.052.585.179)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(34.546.885.417)	(43.912.924.516)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>53.341.215.926</b>	<b>(105.647.958.558)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>6.769.292.398</b>	<b>(8.673.817.850)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 4	88.922.417.086	97.600.084.224
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	26.425.694	(3.849.288)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 4	95.718.135.178	88.922.417.086

TP Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Phạm Thị Thùy Duyên

Phụ trách kế toán

Nguyễn Lê Quốc Dzinh

Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Minh Thy

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

Mẫu số B09-DN

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập và hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 30/07/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301441600 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 21 tháng 09 năm 2022.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 845.250.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại 159 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, TP Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 969 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 960 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty:

Sản xuất các sản phẩm về chế bản, in, bao bì, hóa chất, cơ khí, giấy và nguyên liệu giấy, các dịch vụ văn hóa tổng hợp,...

Các ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất các sản phẩm về chế bản, in, bao bì, hóa chất, cơ khí, giấy, và nguyên liệu giấy, các dịch vụ văn hóa tổng hợp;
- Sản xuất mực in;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, sân bãi, đường nội bộ;
- San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị máy móc các ngành: công nghiệp, giấy, in và bao bì, văn hóa phẩm, đào tạo nghiên cứu khoa học, dịch vụ công nghệ thông tin;
- Kinh doanh nhà, dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất. Cho thuê nhà, xưởng, kho bãi, quầy sạp, cửa hàng kinh doanh (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt);
- Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác;
- Dạy nghề: Đào tạo giáo dục đến trình độ trung cấp các nghề: kỹ thuật in ống đồng, in Flexso, in Offset (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh các sản phẩm về chế bản, in, bao bì, hóa chất, cơ khí, giấy và nguyên liệu giấy, các dịch vụ văn hoá tổng hợp.

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong vòng 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

**1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có 2 trung tâm và 3 xí nghiệp là các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

- Trung tâm kinh doanh An Thịnh
- Trung tâm Tân Đức
- Xí nghiệp Bao bì An Khang
- Xí nghiệp In Bao Bì Giấy Liksin
- Xí nghiệp Bao Bì Liksin

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có đầu tư vào 1 công ty con, 11 công ty liên doanh liên kết và 9 khoản đầu tư vào đơn vị khác chi tiết tại thuyết minh số 5.2 “Đầu tư tài chính dài hạn”.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và của Văn phòng Tổng Công ty.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính tổng hợp này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1. CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính.

#### 3.2. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3.3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

#### 3.4. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào việc đánh giá mức tổn thất để lập dự phòng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm:* Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

#### 3.6. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán riêng theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Tổng Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 30
- Máy móc, thiết bị	03 - 12
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Các tài sản khác	Tối đa 20 năm

#### 3.8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### 3.9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm: khoản phải trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

#### 3.10. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.11. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 3.12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả trong kỳ, gồm: chi phí lãi vay ngân hàng.
- Các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm.

#### 3.13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo Thông tư 36/2021/tt-BTC ngày 10/07/2021, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 và Thông tư 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn thực hiện về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp.

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

- Quỹ khen thưởng phúc, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính.

#### 3.14. DOANH THU

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.14. DOANH THU (TIẾP)

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 3.15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,.... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 3.16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**3.18. BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	1.605.365.244	1.302.371.061
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	94.112.769.934	57.620.046.025
- Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>95.718.135.178</b>	<b>88.922.417.086</b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**5.1. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	184.000.000.000	184.000.000.000	260.000.000.000	260.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>184.000.000.000</b>	<b>184.000.000.000</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>260.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>21.555.000.000</b>	-	<b>21.555.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Bao bì Liksin Phương Bắc	21.555.000.000	-	21.555.000.000	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>188.505.124.799</b>	<b>(10.369.397.610)</b>	<b>188.505.124.799</b>	<b>(9.905.107.414)</b>
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt (*)	39.800.000.000	-	39.800.000.000	-
- Công ty TNHH Liên doanh Hoa Việt (*)	78.085.000.000	-	78.085.000.000	-
- Công ty Cổ phần Giấy Linh Xuân (*)	6.656.950.000	-	6.656.950.000	-
- Công ty Cổ phần Sơn Bạch Tuyết (*)	24.150.000.000	-	24.150.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nhựa Phú Thọ (*)	2.648.000.000	(2.648.000.000)	2.648.000.000	(2.648.000.000)
- Công ty Cổ phần Phát Tài (*)	6.797.058.884	-	6.797.058.884	-
- Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc (*)	12.949.782.500	-	12.949.782.500	-
- Công ty Cổ phần In - Bao bì An Phú (*)	7.659.847.283	(6.497.397.610)	7.659.847.283	(5.635.466.943)
- Công ty Cổ phần In Bao Bì Bình Thuận (*)	4.321.350.040	-	4.321.350.040	-
- Công ty Cổ phần In và Phát hành sách Lâm Đồng (*)	4.213.136.092	-	4.213.136.092	(397.640.471)
- Công ty Cổ phần Máy An Phát (*)	1.224.000.000	(1.224.000.000)	1.224.000.000	(1.224.000.000)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>65.447.060.000</b>	<b>(37.899.210.000)</b>	<b>65.447.060.000</b>	<b>(37.733.329.717)</b>
- Ngân hàng TMCP Đông Á (2)	5.526.640.000	(3.980.370.000)	5.526.640.000	(3.980.370.000)
+ Đầu tư từ Nguồn vốn kinh doanh	3.980.370.000	(3.980.370.000)	3.980.370.000	(3.980.370.000)
+ Đầu tư từ Nguồn Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.546.270.000	-	1.546.270.000	-
- Công ty Cổ phần Mực in & Hóa chất Sài Gòn (*)	798.840.000	(618.840.000)	798.840.000	(618.840.000)
+ Đầu tư từ Nguồn vốn kinh doanh	618.840.000	(618.840.000)	618.840.000	(618.840.000)
+ Đầu tư từ Nguồn Quỹ khen thưởng phúc lợi	180.000.000	-	180.000.000	-
- Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Huệ (*)	2.100.000.000	(2.100.000.000)	2.100.000.000	(1.934.119.717)
- Công ty Cổ phần Nhựa 04 (*)	1.976.280.000	-	1.976.280.000	-
- Công ty Cổ phần In Tiền Giang (*)	525.000.000	-	525.000.000	-
- Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (*)	5.867.480.000	-	5.867.480.000	-
- Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam (*)	15.352.820.000	-	15.352.820.000	-
- Công ty Cổ phần Mai Lan (*)	2.100.000.000	-	2.100.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vật liệu tự dính Việt Nam (2)	31.200.000.000	(31.200.000.000)	31.200.000.000	(31.200.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>275.507.184.799</b>	<b>(48.268.607.610)</b>	<b>275.507.184.799</b>	<b>(47.638.437.131)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết thị trường cho các công cụ tài chính này, đồng thời Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*) Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2024 của các đơn vị này. Do đó, Tổng Công ty đang xem xét dự phòng tổn thất đầu tư tài chính trên cơ sở Báo cáo tài chính gần nhất.

(1) Ngân hàng TMCP Đông Á đã được chuyển giao bắt buộc cho Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM từ ngày 17/01/2025 Tổng Công ty Liksin đã có CV 46/Liksin-KT ngày 05/03/2025 báo cáo UBNDTP về tình hình vốn đầu tư của Liksin tại NH Đông Á sau chuyển giao bắt buộc, hiện Tổng Công ty Liksin đang đợi ý kiến chỉ đạo từ cấp trên để thực hiện theo quy định.

(2) Tòa án Tỉnh Bình Thuận đã mở thủ tục phá sản từ năm 2018.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Công ty con</i>				
- Công ty Cổ phần Bao Bì Liksin Phương Bắc	Tỉnh Bắc Ninh	50,00%	50,00%	Sản xuất bao bì
<i>Công ty liên doanh, liên kết</i>				
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	Tỉnh Bình Dương	42,80%	42,80%	- Sản xuất thùng carton
- Công ty TNHH Liên doanh Hoa Việt	Thành phố Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	- Kinh doanh sân golf
- Công ty Cổ phần Giấy Linh Xuân	Thành phố Hồ Chí Minh	28,85%	28,85%	- Sản xuất giấy
- Công ty Cổ phần Sơn Bạch tuyết	Thành phố Hồ Chí Minh	35,00%	35,00%	- Sản xuất sơn
- Công ty Cổ phần nhựa Phú Thọ	Thành phố Hồ Chí Minh	48,15%	48,15%	- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa plastic
- Công ty cổ phần Phát Tài	Thành phố Hồ Chí Minh	37,50%	37,50%	- In hóa đơn, in vé số
- Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	Tỉnh Long An	37,40%	37,40%	- In nhãn các sản phẩm
- Công ty Cổ phần In - Bao bì An Phú	Tỉnh Long An	23,27%	23,27%	- In ấn các loại ấn phẩm sách báo
- Công ty Cổ phần In Bao Bì Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	25,00%	25,00%	- In ấn sản xuất bao bì
- Công ty Cổ phần In và phát hành sách Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	36,00%	36,00%	- Kinh doanh các loại sách, văn hóa
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	Tỉnh Long An	36,07%	36,07%	Chế tạo máy móc, thiết bị phục vụ cho ngành in và bao bì
<i>Đơn vị khác</i>				
- Ngân Hàng TMCP Đông Á	Thành phố Hồ Chí Minh	0,11%	0,11%	Ngân hàng
- Công ty Cổ phần Mực in & Hóa chất Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	12,40%	12,40%	- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tường; sản xuất mực in và ma tít
- Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Huệ	Thành phố Hồ Chí Minh	10,77%	10,77%	- Sản xuất và in các loại giấy
- Công ty Cổ phần Nhựa 04	Thành phố Hồ Chí Minh	9,49%	9,49%	- Sản xuất các sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo
- Công ty Cổ phần In Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	6,25%	6,25%	- In ấn và kinh doanh sách

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Đơn vị khác (tiếp)</i>				
- Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình	Thành phố Hồ Chí Minh	12,32%	12,32%	- Sản xuất ngành in, bao bì giấy
- Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	15,05%	15,05%	- Sản xuất kinh doanh các loại sách báo tạp chí văn hóa phẩm
- Công ty Cổ phần Mai Lan	Thành phố Hồ Chí Minh	4,17%	4,17%	- Kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Vật liệu tực dính Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	12,68%	12,68%	- Sản xuất các loại mực in offset

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.105.163.150</b>	<b>(312.250.125)</b>	<b>6.565.666.720</b>	<b>(312.250.125)</b>
- Coolbree GmbH	1.269.479.531	-	2.571.205.603	-
- Dow Chemical pacific (Singapore) Pte., Ltd	289.835.125	(289.835.125)	289.835.125	(289.835.125)
- Jiangsu Shuangxing Color Plastic New Materials Co., Ltd	-	-	1.118.253.345	-
- Jiangsu Lecai Printing Materialco., Ltd	-	-	1.965.260.214	-
- Các đối tượng khác	5.815.328.025	(22.415.000)	621.112.433	(22.415.000)
<b>Cộng</b>	<b>6.105.163.150</b>	<b>(312.250.125)</b>	<b>6.565.666.720</b>	<b>(312.250.125)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2024		01/01/2024 (Trình bày lại)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>273.343.450.072</b>	<b>(13.894.494.054)</b>	<b>249.884.055.363</b>	<b>(15.013.684.071)</b>
- Công ty Cổ Phần In - Bao Bì An Phú	9.852.166.558	(8.731.325.138)	10.728.624.238	(10.037.321.363)
- Công ty Cổ phần Phát Tài	796.819.394	-	531.480.300	-
- Công ty Cổ Phần Bao Bì Liksin Phương Bắc	2.439.445.244	-	695.252.999	-
- Công ty Cổ Phần Bao Bì Đông Nam Việt	243.301.709	-	200.315.017	-
- Công ty Cổ Phần In Và Bao Bì Bình Thuận	50.003.676	-	75.047.520	-
- Công ty Cổ Phần In Và Phát Hành Sách Lầm Đồng	53.613.790	-	61.450.300	-
- Công ty Cổ phần in Nhãn hàng An Lạc	772.486.093	-	378.196.180	-
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	1.029.545.550	(1.029.545.550)	1.029.545.550	(1.029.545.550)
- Công ty TNHH Procter & Gamble Đông Dương	58.816.898.947	-	27.876.562.533	-
- Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam	35.137.299.800	-	33.011.044.500	-
- Các khách hàng khác	164.151.869.311	(4.133.623.366)	175.296.536.226	(3.946.817.158)
<b>Cộng</b>	<b>273.343.450.072</b>	<b>(13.894.494.054)</b>	<b>249.884.055.363</b>	<b>(15.013.684.071)</b>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan:</b>	<b>15.237.382.014</b>	<b>(1.029.545.550)</b>	<b>13.699.912.104</b>	<b>(1.029.545.550)</b>

(Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.837.611.365</b>	-	<b>6.576.785.851</b>	-
- Phải thu về cổ phần hóa	1.378.646.190	-	1.378.646.190	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	2.498.632.877	-	3.926.945.206	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	3.360.865	-	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.124.360.000	-	129.360.000	-
- Tạm ứng	496.175.006	-	730.790.356	-
- Ký quỹ, ký cược	5.000.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	331.436.427	-	411.044.099	-
<b>Dài hạn</b>	<b>98.850.000</b>	-	<b>88.850.000</b>	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	98.850.000	-	88.850.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.936.461.365</b>	-	<b>6.665.635.851</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**9. NỢ KHÓ ĐÒI**

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
+ <i>Phải thu khách hàng</i>	<b>16.360.402.906</b>	<b>2.465.908.852</b>	<b>(13.894.494.054)</b>	<b>16.808.873.538</b>	<b>1.795.189.467</b>	<b>(15.013.684.071)</b>
- Công ty Cổ phần In - Bao Bì An Phú	9.852.166.558	1.120.841.420	(8.731.325.138)	10.728.624.238	691.302.875	(10.037.321.363)
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	1.029.545.550	-	(1.029.545.550)	1.029.545.550	-	(1.029.545.550)
- Các đối tượng khác	5.478.690.798	1.345.067.432	(4.133.623.366)	5.050.703.750	1.103.886.592	(3.946.817.158)
+ <i>Trả trước cho người bán</i>	<b>312.250.125</b>	-	<b>(312.250.125)</b>	<b>312.250.125</b>	-	<b>(312.250.125)</b>
- Công ty TNHH Đầu tư Lava	22.415.000	-	(22.415.000)	22.415.000	-	(22.415.000)
- Dow Chemical Pacific (Singapore) Pte Ltd	289.835.125	-	(289.835.125)	289.835.125	-	(289.835.125)
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.672.653.031</b>	<b>2.465.908.852</b>	<b>(14.206.744.179)</b>	<b>17.121.123.663</b>	<b>1.795.189.467</b>	<b>(15.325.934.196)</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng đang đi trên đường	1.484.730.193	-	8.345.590.296	-
- Nguyên liệu, vật liệu	91.473.875.804	(8.560.485.705)	164.956.631.263	(2.666.632.519)
- Công cụ, dụng cụ	6.566.416.218	-	6.513.320.134	(1.194.423.659)
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.549.422.730	-	4.047.589.708	-
- Thành phẩm	36.619.088.312	(9.542.894.764)	37.714.460.250	(4.763.852.412)
- Hàng hóa	58.839.746.801	(596.578.555)	35.005.066.158	(249.954.683)
<b>Cộng</b>	<b>201.533.280.058</b>	<b>(18.699.959.024)</b>	<b>256.582.657.809</b>	<b>(8.874.863.273)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>479.087.569</b>	<b>1.049.535.876</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	5.724.166
- Chi phí bảo hiểm	449.349.252	850.531.198
- Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	29.738.317	193.280.512
<b>Dài hạn</b>	<b>24.295.365.073</b>	<b>26.099.495.517</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.068.246.525	2.402.250.841
- Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp	16.414.938.798	23.442.386.559
- Các chi phí trả trước dài hạn khác	6.812.179.750	254.858.117
<b>Cộng</b>	<b>24.774.452.642</b>	<b>27.149.031.393</b>

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>90.435.455</b>	<b>150.000</b>
- Gói thầu "Dự án ERP"	90.435.455	-
- Mua sắm tài sản khác	-	150.000
<b>Cộng</b>	<b>90.435.455</b>	<b>150.000</b>

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2024	747.974.227	747.974.227
31/12/2024	747.974.227	747.974.227
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2024	(747.974.227)	(747.974.227)
31/12/2024	(747.974.227)	(747.974.227)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2024	-	-
31/12/2024	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 747.974.227 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 747.974.227 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)*

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2024	285.586.842.406	845.970.106.551	71.396.917.997	19.371.273.384	1.222.325.140.338
- Mua trong năm	154.000.000	1.248.669.759	1.540.377.551	941.878.529	3.884.925.839
31/12/2024	<b>285.740.842.406</b>	<b>847.218.776.310</b>	<b>72.937.295.548</b>	<b>20.313.151.913</b>	<b>1.226.210.066.177</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2024	(137.251.220.613)	(567.385.844.869)	(52.813.742.068)	(13.177.271.638)	(770.628.079.188)
- Khấu hao trong năm	(13.348.352.311)	(48.015.494.511)	(3.203.686.124)	(1.876.273.679)	(66.443.806.625)
31/12/2024	<b>(150.599.572.924)</b>	<b>(615.401.339.380)</b>	<b>(56.017.428.192)</b>	<b>(15.053.545.317)</b>	<b>(837.071.885.813)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2024	148.335.621.793	278.584.261.682	18.583.175.929	6.194.001.746	451.697.061.150
31/12/2024	<b>135.141.269.482</b>	<b>231.817.436.930</b>	<b>16.919.867.356</b>	<b>5.259.606.596</b>	<b>389.138.180.364</b>

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 334.868.741.163 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>85.135.054.617</b>	<b>85.135.054.617</b>	<b>88.239.530.683</b>	<b>88.239.530.683</b>
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	52.258.063	52.258.063	991.836.795	991.836.795
- Công ty Cổ phần In Nhãn hàng An Lạc	56.543.616	56.543.616	92.950.200	92.950.200
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	4.785.000	4.785.000	4.785.000	4.785.000
- Công ty Cổ phần Phát Tài	345.907.832	345.907.832	9.741.600	9.741.600
- Công ty TNHH Sakata INX - Việt Nam	6.590.697.910	6.590.697.910	10.072.190.876	10.072.190.876
- Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Liên Minh	8.131.177.764	8.131.177.764	4.152.883.160	4.152.883.160
- Các nhà cung cấp khác	69.953.684.432	69.953.684.432	72.915.143.052	72.915.143.052
<b>Cộng</b>	<b>85.135.054.617</b>	<b>85.135.054.617</b>	<b>88.239.530.683</b>	<b>88.239.530.683</b>
<b>Phải thu người bán là các bên liên quan:</b> (Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32)	<b>1.175.261.038</b>	<b>1.175.261.038</b>	<b>1.099.313.595</b>	<b>1.099.313.595</b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2024	01/01/2024
	Giá trị VND	Giá trị VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.315.617.463</b>	<b>1.479.339.533</b>
- H & T Seafood Inc	221.246.352	221.246.352
- Công ty TNHH NTPM (Việt Nam)	-	175.000.000
- Sea Delight, Llc	414.808.580	344.984.035
- Seafood Connection B.V	237.329.210	241.621.929
- Công ty Cổ phần Bao bì Phú Khương	502.975.376	-
- Các đối tượng khác	939.257.945	496.487.217
<b>Cộng</b>	<b>2.315.617.463</b>	<b>1.479.339.533</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	1.307.220.171	12.897.165.031	13.977.395.143	-	226.990.059
- Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	-	29.076.716.164	29.076.716.164	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	180.651	-	2.525.720.396	2.525.720.396	180.651	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	6.489.336	6.489.336	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.917.827.221	24.394.328.855	22.917.827.221	-	10.394.328.855
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.207.393.992	5.307.366.302	5.283.803.287	-	2.230.957.007
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.507.679.423	-	3.406.984.971	4.105.359.486	2.206.053.938	-
- Các khoản thuế khác	-	-	133.596.472	133.596.472	-	-
- Các khoản phải nộp khác	4.172.017.057	43.262.021	388.949.180.319	358.968.757.293	1.986.169.028	27.837.837.018
+ Thuế chuyển nhượng nhà 60 Võ Thị Sáu, Vũng Tàu nộp thừa	1.979.669.028	-	-	-	1.979.669.028	-
+ Lợi nhuận sau thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	2.192.348.029	-	59.142.958.315	34.546.885.417	-	22.403.724.869
+ Khác	-	43.262.021	329.806.222.004	324.421.871.876	6.500.000	5.434.112.149
<b>Cộng</b>	<b>5.679.877.131</b>	<b>12.475.703.405</b>	<b>466.697.547.846</b>	<b>436.995.664.798</b>	<b>4.192.403.617</b>	<b>40.690.112.939</b>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>36.098.219.529</b>	<b>36.098.219.529</b>	<b>305.475.901.628</b>	<b>191.431.709.188</b>	<b>150.142.411.969</b>	<b>150.142.411.969</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>16.652.356.435</i>	<i>16.652.356.435</i>	<i>286.030.038.531</i>	<i>169.090.710.094</i>	<i>133.591.684.872</i>	<i>133.591.684.872</i>
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	19.318.549.593	19.318.549.593	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Thành phố Hồ Chí Minh (1)	16.652.356.435	16.652.356.435	206.082.507.293	141.848.352.362	80.886.511.366	80.886.511.366
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh (2)	-	-	60.628.981.645	7.923.808.139	52.705.173.506	52.705.173.506
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>19.445.863.094</i>	<i>19.445.863.094</i>	<i>19.445.863.097</i>	<i>22.340.999.094</i>	<i>16.550.727.097</i>	<i>16.550.727.097</i>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 6 Thành phố Hồ Chí Minh (1)	2.895.136.000	2.895.136.000	2.895.136.000	5.790.272.000	-	-
- Ngân hàng TNHH CTBC - Thành phố Hồ Chí Minh (3)	16.550.727.094	16.550.727.094	16.550.727.097	16.550.727.094	16.550.727.097	16.550.727.097
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>40.086.741.176</b>	<b>40.086.741.176</b>	-	<b>26.156.091.097</b>	<b>13.930.650.079</b>	<b>13.930.650.079</b>
<i>Vay dài hạn</i>	<i>40.086.741.176</i>	<i>40.086.741.176</i>	-	<i>26.156.091.097</i>	<i>13.930.650.079</i>	<i>13.930.650.079</i>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Thành phố Hồ Chí Minh (1)	9.605.364.000	9.605.364.000	-	9.605.364.000	-	-
- Ngân hàng TNHH CTBC - Thành phố Hồ Chí Minh (3)	30.481.377.176	30.481.377.176	-	16.550.727.097	13.930.650.079	13.930.650.079
	<b>76.184.960.705</b>	<b>76.184.960.705</b>	<b>305.475.901.628</b>	<b>217.587.800.285</b>	<b>164.073.062.048</b>	<b>164.073.062.048</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)*

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 6 Thành Phố Hồ Chí Minh số 24.33520.0108/2024-HĐCVHM/NHCT922-LIKSIN ngày 21/05/2024 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;

Thời hạn vay: Theo từng giấy nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng;

Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi có điều chỉnh.

Phương thức bảo đảm: Nghĩa vụ của khách hàng theo Hợp đồng này được đảm bảo bằng các biện pháp bảo đảm hoặc Hợp đồng Bảo đảm sau:

+ Cầm cố tài sản là toàn bộ hàng hoá thuộc quyền sở hữu của Chi nhánh Tổng công ty Liksin - Xí nghiệp bao bì Liksin với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 50.000.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp số 01/23.37374.0030/2023/HĐBĐ/NHCT922 ngày 21/05/2024 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng cầm cố (nếu có) ký giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 6 Thành Phố Hồ Chí Minh và Tổng công ty Công nghiệp - In - Bao Bì Liksin - TNHH MTV.

Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2024 là 80.886.511.366 VND.

(2) Hợp đồng cho vay hạn mức với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam số 53/3742/24-DN2/N-CTD ký ngày 09 tháng 07 năm 2024 giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Tổng Công ty Công Nghiệp - In - Bao Bì Liksin - TNHH MTV  
Hạn mức tính dụng: 100.000.000.000 đồng.

Mục đích sử dụng vốn vay là: tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.

Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

Phương thức đảm bảo:

+ Thế chấp tài sản là quyền đòi nợ, các khoản phải thu, quyền yêu cầu thanh toán khác; Quyền hưởng thụ bảo hiểm; Quyền được bồi thường thiệt hại và Quyền tài sản khác trị giá được bằng tiền hình thành được định giá 50.000.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp tài sản phát sinh từ hợp đồng số 58/3742/24-DN2/TC.

+ Căn cứ Hợp Đồng Thế Chấp Tài Sản số 24.33520.0149/2024/HĐBĐ/NHCT922 ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin - TNHH MTV và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 6 TP.HCM, Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin - TNHH MTV thế chấp cho Vietinbank Số Dư Tiền Gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của Bên Thế Chấp gửi tại Vietcombank và toàn bộ số tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng Tiền Gửi có kỳ hạn trả lãi cuối kỳ số 128/2024/DVKH-LIKSIN và Hợp đồng Tiền Gửi có kỳ hạn trả lãi cuối kỳ số 154/2024/DVKH-LIKSIN.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(3) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm 2 hợp đồng tín dụng sau:

a) Hợp đồng tín dụng số STVN1812/MTVN1818-20 ký ngày 29/08/2020 gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: Tối đa 2.850.000 USD đối với khoản tín dụng ngắn hạn và tối đa 2.000.000 USD đối với khoản tín dụng dài hạn;
- + Mục đích vay: Tài trợ mua sắm máy móc thiết bị;
- + Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đối với cho vay ngắn hạn và 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đối với hạn mức cho vay dài hạn;
- + Lãi suất cho vay: Xác định theo từng khế ước nhận nợ.
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Máy móc thiết bị mua bằng vốn vay;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2024 là 9.585.402.054; trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 9.585.402.057 VND.

b) Hợp đồng tín dụng số ST1968/MT1969-21 ký ngày 31/05/2021 gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 2.000.000 USD;
- + Mục đích vay: Tài trợ mua sắm máy móc thiết bị;
- + Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân;
- + Lãi suất cho vay: Xác định theo từng khế ước nhận nợ.
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Máy móc thiết bị mua bằng vốn vay;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2024 là 20.895.975.119 đồng; trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 6.965.325.040 VND.

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>18.300.278.405</b>	<b>10.335.813.420</b>
- Chi phí hoa hồng môi giới	10.270.849.459	6.102.777.667
- Chi phí lãi vay	223.757.842	393.255.030
- Các chi phí phải trả khác	7.805.671.104	3.839.780.723
<b>Cộng</b>	<b>18.300.278.405</b>	<b>10.335.813.420</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.040.779.208</b>	<b>3.973.026.343</b>
- Kinh phí công đoàn	-	956.517
- Tài sản thừa chờ giải quyết	44.332.018	257.831.456
- Nhận ký quỹ, ký cược	922.752.381	555.353.855
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.073.694.809	3.158.884.515
+ <i>Quỹ thù lao của người đại diện vốn</i>	<i>1.068.491.339</i>	<i>2.264.490.332</i>
+ <i>Quỹ phát triển KHCN chưa sử dụng hết 70% sau 05 năm</i>	<i>589.400.000</i>	<i>711.546.400</i>
+ <i>Phải trả khác</i>	<i>415.803.470</i>	<i>182.847.783</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>1.103.093.000</b>	<b>1.720.600.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược	1.103.093.000	1.720.600.000
<b>Cộng</b>	<b>4.143.872.208</b>	<b>5.693.626.343</b>

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2023</b>	<b>845.250.000.000</b>	<b>319.182.243.122</b>	-	<b>1.164.432.243.122</b>
- Lãi trong năm trước	-	-	114.634.864.953	114.634.864.953
- Phân phối lợi nhuận	-	34.390.459.486	(78.652.009.486)	(44.261.550.000)
- Nộp NSNN khoản LNST năm nay	-	-	(35.976.104.356)	(35.976.104.356)
- Giảm khác	-	(2.893.333)	(6.751.111)	(9.644.444)
<b>31/12/2023</b>	<b>845.250.000.000</b>	<b>353.569.809.275</b>	-	<b>1.198.819.809.275</b>
<b>01/01/2024</b>	<b>845.250.000.000</b>	<b>353.569.809.275</b>	-	<b>1.198.819.809.275</b>
- Lãi trong năm nay	-	-	123.389.403.397	123.389.403.397
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	37.016.821.019	(84.829.166.019)	(47.812.345.000)
- Nộp NSNN khoản LNST năm nay	-	-	(38.560.237.378)	(38.560.237.378)
- Nộp NSNN chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ	-	(319.182.243.122)	-	(319.182.243.122)
<b>31/12/2024</b>	<b>845.250.000.000</b>	<b>71.404.387.172</b>	-	<b>916.654.387.172</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

(\*) Tổng Công ty tạm thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 theo các quy định tại Thông tư 36/2021/TT-BTC ngày 10/07/2021, Nghị định 91/2015/NĐ-CP và Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015, bổ sung của Bộ Tài chính.

	<b>Số tiền VND</b>
Kết quả kinh doanh sau thuế	123.389.403.397
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	37.016.821.019
Trích Quỹ Khen thưởng, Quỹ phúc lợi	47.203.750.000
Trích Quỹ thưởng Viên chức quản lý	608.595.000

**21.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	<b>31/12/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	<b>Giá trị VND</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Giá trị VND</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
- Vốn Nhà nước	845.250.000.000	100%	845.250.000.000	100%
<b>Cộng</b>	<b>845.250.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>845.250.000.000</b>	<b>100%</b>

**21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	<b>Năm 2024 VND</b>	<b>Năm 2023 VND</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	845.250.000.000	845.250.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	845.250.000.000	845.250.000.000

**21.4 QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**

	<b>31/12/2024 VND</b>	<b>01/01/2024 VND</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	71.404.387.172	353.569.809.275
<b>Cộng</b>	<b>71.404.387.172</b>	<b>353.569.809.275</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)*

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>1.490.107.331.834</b>	<b>1.352.669.021.835</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	234.423.761.207	209.954.841.897
- Doanh thu bán thành phẩm	1.249.527.230.436	1.137.858.601.691
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.156.340.191	4.855.578.247
<b>Cộng</b>	<b>1.490.107.331.834</b>	<b>1.352.669.021.835</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan:</b> <i>(Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32)</i>	<b>6.145.464.821</b>	<b>11.088.010.567</b>

**23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chiết khấu thương mại	617.429.385	106.735.326
- Giảm giá hàng bán	-	4.914.000
- Hàng bán bị trả lại	2.078.226.054	4.125.242.133
<b>Cộng</b>	<b>2.695.655.439</b>	<b>4.236.891.459</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn của hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.213.811.243.307	1.101.269.614.616
<b>Cộng</b>	<b>1.213.811.243.307</b>	<b>1.101.269.614.616</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.671.028.131	15.559.705.900
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	34.687.242.879	26.916.900.388
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	425.466.840	157.955.942
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	103.323.104	87.549.277
<b>Cộng</b>	<b>43.887.060.954</b>	<b>42.722.111.507</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	4.518.561.130	7.788.397.802
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	635.671.472	420.326.809
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	225.315.739
- (Hoàn nhập)/Dự phòng tổn thất đầu tư	630.150.396	695.104.463
<b>Cộng</b>	<b>5.784.382.998</b>	<b>9.129.144.813</b>

**27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>103.963.105.845</b>	<b>101.511.969.080</b>
- Chi phí nhân viên	62.414.784.682	59.866.411.008
- Trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	3.588.688.813	3.353.081.693
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.534.387.752	1.768.532.474
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.040.509.791	1.804.370.416
- Thuế, phí, lệ phí	5.064.379.608	5.597.836.562
- (Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	(772.966.145)	2.242.546.050
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.954.181.670	3.283.284.060
- Chi phí bằng tiền khác	26.139.139.674	23.595.906.817
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>68.361.032.848</b>	<b>59.449.121.253</b>
- Chi phí nhân viên	18.166.247.166	17.358.428.142
- Chi phí vật liệu, bao bì	13.190.282.184	12.168.265.100
- Chi phí khấu hao TSCĐ	134.856.516	134.856.516
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.872.244.096	16.625.593.830
- Chi phí bằng tiền khác	20.997.402.886	13.125.659.257
- Chi phí công cụ dụng cụ	-	36.318.408
<b>Cộng</b>	<b>172.324.138.693</b>	<b>160.961.090.333</b>

**28. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi bán phế liệu	15.580.925.784	14.765.623.312
- Thu nhập từ hàng kiểm kê thừa	860.348.041	1.613.282.123
- Thu từ bồi thường	542.241.827	525.903.083
- Các khoản khác	2.111.703.547	853.503.280
<b>Cộng</b>	<b>19.095.219.199</b>	<b>17.758.311.798</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**29. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Các khoản chậm nộp	10.623.978.882	122.882.886
- Các khoản chi phí khác	538.000.415	446.365.978
<b>Cộng</b>	<b>11.161.979.297</b>	<b>569.248.864</b>

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	753.387.316.928	715.528.369.371
Chi phí nhân công	230.395.733.308	204.340.796.790
Chi phí khấu hao tài sản cố định	66.443.806.625	63.932.811.313
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.519.094.902	44.896.153.695
Chi phí khác bằng tiền	73.670.168.344	59.995.632.143
<b>Cộng</b>	<b>1.164.416.120.107</b>	<b>1.088.693.763.312</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>147.312.212.253</b>	<b>136.983.455.055</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế</b>	<b>6.989.074.906</b>	<b>1.676.395.844</b>
- Các khoản chi phí không được trừ	6.989.074.906	1.676.395.844
<b>Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế</b>	<b>34.687.242.879</b>	<b>26.916.900.388</b>
- Cổ tức lợi nhuận được chia	34.687.242.879	26.916.900.388
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>119.614.044.280</b>	<b>111.742.950.511</b>
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>119.614.044.280</b>	<b>111.742.950.511</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>23.922.808.856</b>	<b>22.348.590.102</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm 2024, Tổng Công ty có phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Bao Bì Lixsin Phương Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giấy Linh Xuân	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sơn Bạch Tuyết	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nhựa Phú Thọ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát Tài	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần In - Bao bì An Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần In - Bao bì Bình Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần In và phát hành sách Lâm Đồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Máy An Phát	Công ty liên kết
Công ty TNHH Liên doanh Hoa Việt	Tổng công ty là cổ đông lớn

**a) Giao dịch bên liên quan**

	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>6.145.464.821</b>	<b>11.088.010.567</b>
Công ty Cổ phần Bao Bì Lixsin Phương Bắc	211.773.280	3.251.641.550
Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	4.144.043.235	573.964.126
Công ty Cổ phần In Bao bì An Phú	1.789.648.306	1.464.448.158
Công ty Cổ phần Bao bì Đông Nam Việt	-	1.028.734.793
Công ty Cổ phần In và Bao bì Bình Thuận	-	288.566.500
Công ty Cổ phần In và phát hành sách Lâm Đồng	-	434.113.000
Công ty Cổ phần Phát Tài	-	4.046.542.440
<b>Mua hàng</b>	<b>4.613.525.194</b>	<b>13.799.339.360</b>
Công ty Cổ phần Bao bì Đông Nam Việt	3.314.535.042	6.428.712.014
Công ty Cổ phần In Bao bì An Phú	66.216.065	3.724.165.550
Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	22.355.200	3.604.733.796
Công ty Cổ phần Phát Tài	1.210.418.887	41.728.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**a) Giao dịch bên liên quan (tiếp)**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Cổ tức được chia</b>	<b>34.687.242.879</b>	<b>26.916.900.388</b>
Công ty Cổ phần Bao Bì Liksin Phương Bắc	3.105.000.000	2.484.000.000
Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	1.990.000.000	-
Công ty Cổ phần Giấy Linh Xuân	320.190.000	320.190.000
Công ty Cổ phần Sơn Bạch Tuyết	2.328.025.500	2.327.439.000
Công ty Cổ phần Phát Tài	1.359.412.000	1.019.559.000
Công ty Cổ phần In Tiền Giang	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa 04	237.153.600	237.153.600
Công ty Cổ phần Mai Lan	129.360.000	129.360.000
Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình	760.211.000	760.211.000
Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	4.375.207.285	4.918.314.463
Công ty Cổ phần In Bao Bì Bình Thuận	2.567.838.000	1.369.513.600
Công ty TNHH Liên doanh Hoa Việt	16.634.169.494	13.301.159.725
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	830.676.000	-

**b) Số dư bên liên quan**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>15.237.382.014</b>	<b>13.699.912.104</b>
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	243.301.709	200.315.017
- Công ty Cổ phần Phát Tài	796.819.394	531.480.300
- Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	772.486.093	378.196.180
- Công ty Cổ phần In - Bao bì An Phú	9.852.166.558	10.728.624.238
- Công ty Cổ phần In Bao Bì Bình Thuận	50.003.676	75.047.520
- Công ty Cổ phần In và phát hành sách Lâm Đồng	53.613.790	61.450.300
- Công ty Cổ phần Bao Bì Liksin Phương Bắc	2.439.445.244	695.252.999
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	1.029.545.550	1.029.545.550
<b>Phải trả người bán</b>	<b>1.175.261.038</b>	<b>1.099.313.595</b>
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	768.024.590	991.836.795
- Công ty Cổ phần Phát Tài	345.907.832	9.741.600
- Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	56.543.616	92.950.200

**c) Thu nhập của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 (Trình bày lại) VND
Thu nhập của Hội đồng thành viên, kiểm soát viên	1.335.169.600	1.193.154.001
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	862.322.880	519.796.800
<b>Cộng</b>	<b>2.197.492.480</b>	<b>1.712.950.801</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

TP Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



**Phạm Thị Thùy Duyên**

**Nguyễn Lê Quốc Dzính**

**Nguyễn Ngọc Minh Thy**